TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /2021/BC-SĐ5-KHCL

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021*

# BÁO CÁO
## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021
**(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)**

## PHẦN I
## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

**I. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu chính:**

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2020 | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỉ lệ |
| **A** | **TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH** | **$10^9$đ** | **1.185,00** | **1.958,64** | **165%** |
| **1** | **Giá trị kinh doanh xây lắp** | **$10^9$đ** | **1.185,00** | **1.796,36** | **152%** |
| - | Các dự án đã có hợp đồng xây lắp | $10^9$đ | 1.095,00 | 1.627,16 | 149% |
| - | Các dự án dự kiến sẽ ký hợp đồng | $10^9$đ | 90,00 | 169,19 | 188% |
| **2** | **Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác** | **$10^9$đ** | | **162,28** | |
| **B** | **CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH** | | | | |
| **I** | **Doanh số bán hàng (1+2)** | **$10^9$đ** | **1.181,55** | **1.816,13** | **154%** |
| 1 | Doanh thu | $10^9$đ | 1.125,28 | 1.775,59 | 158% |
| 2 | Thuế GTGT đầu ra | $10^9$đ | 56,26 | 40,55 | 72% |
| **II** | **Lợi nhuận** | | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | $10^9$đ | 32,50 | 38,86 | 120% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | $10^9$đ | 26,00 | 29,03 | 112% |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận | | | | |
| - | Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | % | 2,89% | 2,19% | 76% |
| - | Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | % | 10,00% | 11,17% | 112% |
| - | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 5,39% | 5,98% | 111% |
| - | Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân | % | 2,18% | 2,45% | 112% |
| 4 | Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến | % | 10% | 10% | 100% |
| **III** | **Các khoản nộp Nhà nước** | | | | |
| **1** | **Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)** | **$10^9$đ** | **42,90** | **37,14** | **87%** |
| a | Các khoản phải nộp Ngân sách | $10^9$đ | 25,90 | 20,51 | 79% |
| - | Thuế GTGT phải nộp | $10^9$đ | 13,00 | 8,61 | 66% |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | $10^9$đ | 6,50 | 9,83 | 151% |
| - | Thuế xuất, nhập khẩu | $10^9$đ | | 0,10 | |
| - | Thuế thu nhập cá nhân | $10^9$đ | 6,40 | 1,97 | 31% |
| - | Thuế khác | $10^9$đ | 0,003 | 0,003 | 100% |

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2020 | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỉ lệ |
| b | Các khoản phải nộp khác | $10^9$đ | 17,00 | 16,63 | 98% |
| - | Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN | $10^9$đ | 17,00 | 16,63 | 98% |
| **2** | **Các khoản đã nộp Nhà nước** | **$10^9$đ** | **41,00** | **37,70** | **92%** |
| a | Các khoản nộp Ngân sách | $10^9$đ | 24,00 | 21,07 | 88% |
| - | Thuế GTGT | $10^9$đ | 13,00 | 8,61 | 66% |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | $10^9$đ | 6,50 | 10,39 | 160% |
| - | Thuế xuất, nhập khẩu | $10^9$đ | | 0,10 | |
| - | Thuế thu nhập cá nhân | $10^9$đ | 4,50 | 1,97 | 44% |
| - | Thuế khác | $10^9$đ | 0,003 | 0,003 | 100% |
| b | Các khoản phải nộp khác | $10^9$đ | 17,00 | 16,63 | 98% |
| - | Bảo hiểm xã hội, BHYT | $10^9$đ | 17,00 | 16,63 | 98% |
| **IV** | **Tiền lương và thu nhập** | | | | |
| 1 | CBCNV bình quân | người | 1.150,00 | 963,00 | 84% |
| 2 | Tổng quỹ lương phải trả | $10^9$đ | 146,00 | 169,05 | 116% |
| 3 | Các khoản thu nhập khác | $10^9$đ | 6,00 | 1,65 | 27% |
| 4 | Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người | $10^6$đ | 10,58 | 14,63 | 138% |
| 5 | Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người | $10^6$đ | 11,01 | 14,77 | 134% |
| **V** | **Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ** | | | | |
| 1 | Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH | $10^9$đ | 314,58 | 254,96 | 81% |
| 2 | Số tiền khấu hao TSCĐ | $10^9$đ | 48,36 | 45,31 | 94% |
| 3 | Tỷ lệ khấu hao TSCĐ | % | 15,37% | 17,77% | 116% |
| 4 | Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ | $10^9$đ | 1.198,02 | 1.202,24 | 100% |
| 5 | Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ | $10^9$đ | 1.188,02 | 1.171,45 | 99% |
| 6 | Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ | $10^9$đ | 77,70 | 74,04 | 95% |
| **VI** | **Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **446,12** | **309,47** | **69%** |
| 1 | Vay ngắn hạn | $10^9$đ | 420,00 | 292,76 | 70% |
| 2 | Vay trung và dài hạn | $10^9$đ | 26,12 | 16,71 | 64% |
| **VII** | **Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **482,78** | **485,81** | **101%** |
| 1 | Vốn điều lệ | $10^9$đ | 259,99 | 259,99 | 100% |
| - | Trong đó: Vốn nhà nước | $10^9$đ | 166,80 | 166,80 | 100% |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | $10^9$đ | 143,06 | 143,06 | 100% |
| 3 | Thặng dư vốn cổ phần | $10^9$đ | 43,13 | 43,13 | 100% |
| 4 | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | $10^9$đ | | | |
| 5 | Quỹ khác thuộc chủ sở hữu | $10^9$đ | 10,60 | 10,60 | 100% |
| 6 | Lợi nhuận chưa phân phối | $10^9$đ | 26,00 | 29,03 | 112% |
| 7 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | $10^9$đ | | | |
| **VIII** | **Tổng tài sản cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **1.717,32** | **1.491,95** | **87%** |
| **IX** | **Nợ phải trả cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **1.234,55** | **1.006,13** | **81%** |
| 1 | Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ | Lần | 4,75 | 3,87 | 81% |

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2020 | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỉ lệ |
| 2 | Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,56 | 2,07 | 81% |
| **X** | **Đầu tư tài chính cuối kỳ** | | | | |
| **C** | **KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH** | | | | |
| **1** | **Phần đào đắp** | | | | |
| - | Tổng khối lượng đào đất | m3 | 159.830 | 191.695 | 120% |
| - | Tổng khối lượng đào đá | m3 | 126.736 | 148.564 | 117% |
| **2** | **Phần xây lắp** | | | | |
| - | Tổng khối lượng bê tông RCC | m3 | 161.959 | 188.735 | 117% |
| - | Tổng khối lượng bê tông CVC | m3 | 58.407 | 72.944 | 125% |
| - | Tổng khối lượng cốt thép KC | tấn | 525 | 498 | 95% |
| **D** | **GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ** | | | | |
| 1 | Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công | $10^9$đ | 20,00 | 11,20 | 56% |

**II. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2020:**

**1. Chỉ tiêu doanh thu, sản lượng:**

Chỉ tiêu doanh thu và sản lượng năm 2020 đều vượt kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng 1.959 tỷ/KH 1.185 tỷ đạt tỷ lệ 165% kế hoạch.
- Doanh thu năm 2020 đạt 1.775 tỷ/KH 1.125 tỷ đạt 158% kế hoạch.

*Nguyên nhân:*

*(i) Một số dự án chuyển tiếp từ năm 2019 vượt kế hoạch,* trong đó đặt biệt là Dự án thủy điện Nam Emoun với sản lượng thực hiện 1.275 tỷ/KH 784 tỷ đạt 163%.

*(ii) Các dự án trong kế hoạch tiếp thị đấu thầu hầu năm 2020*: Trong năm 2020, Công ty đã tìm kiếm và mở rộng thêm được thị trường điện Điện Gió tại Quảng Trị; tận dụng và phát huy được uy tín của Sông Đà 5 để tiếp tục nhận thêm các gói thầu tại các Dự án đã triển khai như gói thầu Nhà máy cán 3 – Dự án thép Hòa Phát.

**2. Về chỉ tiêu lợi nhuận:**

- Lợi nhuận trước thuế đạt 38,86 tỷ/KH 32,50 tỷ đạt 120% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 29,03 tỷ/KH 26,00 tỷ đạt 112% kế hoạch.

**3. Mục tiêu các mốc tiến độ chính các dự án:**

*3.1. Dự án Thủy điện Nam E-Moun:*

Hoàn thành thi công công trình phụ trợ; thi công công trình chính đáp ứng tiến độ điều chỉnh đã được thống nhất với CĐT ngày 26/9/2020. Chi tiết các hạng mục như sau:

- Đập chuyển dòng: Hoàn thành thi công bê tông đập dâng vai phải đến CĐ 784,10m; Tiếp tục thi công bê tông cửa nhận nước đến CĐ 784,10m và đập tràn đến CĐ 785,86m; Triển khai công tác đào và gia cố vai trái đến cao độ 778,00m.

- Đập chính: Hoàn thành thi công tường hướng dòng thượng lưu và tường chắn hạ lưu vai trái; Thi công bê tông cửa nhận nước đến CĐ 789.75; bê tông đập tràn đến CĐ790.40; đắp trả vai trái đến CĐ 780.00.

- Nhà máy: Thi công bê tông phase 1 khu vực 2 tổ máy và bê tông gian lắp ráp đáp ứng được tiến độ.

- Tuyến hầm: Hoàn thành công tác đào và gia cố hầm phụ E và giếng đứng số 2, khối lượng đào và gia cố tuyến hầm chính năm 2020 đạt 12.199 md; lũy kế đạt 12.441md/ 19.200md đạt 64.80% khối lượng hợp đồng đáp ứng tiến độ.

- Phần cơ khí thủy công:

+ Lắp đặt hiện trường: Hoàn thành lắp đặt gối đỡ van đập chính, đập chuyển dòng và vận chuyển đường ống phân nhánh đến công trường.

+ Gia công tại xưởng: Hoàn thành gia công đường ống phân nhánh, hầm ngang; tiếp tục hoàn thiện, sửa chữa 2 bộ van cung cho đập chính và đập chuyển dòng; gia công cửa van sửa chữa đập tràn cho đập chính và đập chuyển dòng; Hoàn thiện chi tiết khe van đập chính và đập chuyển dòng; Gia công đường ống giếng đứng số 2 *(tổng 319 tấn)*.

*3.2. Dự án Hồ chứa nước Bản Lải – Lạng Sơn:* Hoàn thành toàn bộ công tác thi công bê tông đập RCC và công tác CVC đáp ứng tiện độ Hợp đồng.

*3.3. Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ - Ninh Thuận:* Hoàn thành công tác sản xuất vữa RCC theo hợp đồng với Chủ đầu tư đảm bảo tiến độ và công tác sản xuất cốt liệu cung cấp cho Công ty CP XD thủy lợi 47 (Nhà thầu thi công đập chính) đáp ứng được nhu cầu vật liệu cho Nhà thầu thi công đập chính.

*3.4. Dự án Nhà Máy thép Hòa Phát - Dung Quất:*

- Công tác thi công: Hoàn thành toàn bộ các gói thầu thi công xây lắp đảm bảo tiến độ theo hợp đồng với Chủ đầu tư. Riêng gói thầu thi công nhà máy cán 3 *(ký hợp đồng tháng 4 năm 2020)* đã thi công được 90% khối lượng phần móng và 50% khối lượng phần thân so với hợp đồng.

- Công tác quyết toán: Hoàn thành công tác quyết toán 19/24 hợp đồng các gói thầu đã kết thúc thi công.

*3.5. Dự án Nhà máy điện gió Quảng Trị:*

Do ảnh hưởng của mưa lũ kéo dài và Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng (Đặc biệt trạm trộn bê tông 60m3/h DA Liên lập, nên tiến độ bị chậm so với kế hoạch hợp đồng ban đầu. Tuy nhiên, hiện nay Sông Đà 5 đã thỏa thuận lại tiến độ với Chủ đầu tư (có cập nhật thời gian chậm do ảnh hưởng của các yếu tố khách quan). Công tác triển khai thi công đang bám theo tiến độ mới, cụ thể các hạng mục chính như sau:

- Công tác lắp dựng trạm trộn: Hoàn thành lắp đặt trạm trộn 60m3/h tại Nhà máy Liên lập và trạm trộn 120m3/h tại Nhà máy Phong Huy.

- Công tác thi công móng trụ tubin và đường nội bộ.

+ Nhà máy Liên Lập: Hoàn thành đào 04 móng GĐ2 (lũy kế 8/12 móng) và bê tông 4 móng GĐ 1 (lũy kế 7/12 móng); đắp trả hoàn thiện 4 móng GĐ1.

+ Dự án Phong Huy: Phần thi công đường nội bộ hoàn thành thi công đào, đắp 1 tuyến, đang thi công 3 tuyến; Phần thi công móng trụ: Đổ bê tông lót 2 móng và lắp đặt cốt thép 3 móng.

*3.6. Dự án Thủy điện Nậm Kong 3:* Đã hoàn thành công tác sản xuất cốt liệu và bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư, hiện đang quyết toán giá trị với Chủ đầu tư.

*3.7. Dự án hồ chứa nước Sông Chò 1 tỉnh Khánh Hòa:* Chưa triển khai thi công (Chủ đầu tư chưa hoàn thành công tác bàn giao mặt bằng).

## PHẦN II
## KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

### I. Các chỉ tiêu chính:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2021 |
|---|---|---|---|
| **A** | **TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH** | **$10^9$đ** | **1.222,00** |
| **1** | **Giá trị kinh doanh xây lắp** | **$10^9$đ** | **1.209,00** |
| - | Các dự án đã có hợp đồng xây lắp | $10^9$đ | 1.059,00 |
| - | Các dự án dự kiến sẽ ký hợp đồng | $10^9$đ | 150,00 |
| **2** | **Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác** | **$10^9$đ** | **13,00** |
| **B** | **CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH** | | |
| **I** | **Doanh số bán hàng (1+2)** | **$10^9$đ** | **1.062,53** |
| 1 | Doanh thu | $10^9$đ | 1.020,00 |
| 2 | Thuế GTGT đầu ra | $10^9$đ | 42,53 |
| **II** | **Lợi nhuận** | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | $10^9$đ | 37,00 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | $10^9$đ | 29,60 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận | | |
| - | Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | % | 3,63% |
| - | Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | % | 11,39% |
| - | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 6,09% |
| - | Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân | % | 2,56% |
| 4 | Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến | % | 11% |
| **III** | **Các khoản nộp Nhà nước** | | |
| **1** | **Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)** | **$10^9$đ** | **43,16** |
| a | Các khoản phải nộp Ngân sách | $10^9$đ | 25,99 |
| - | Thuế GTGT phải nộp | $10^9$đ | 12,00 |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | $10^9$đ | 7,40 |
| - | Thuế xuất, nhập khẩu | $10^9$đ | |
| - | Thuế thu nhập cá nhân | $10^9$đ | 6,59 |
| - | Thuế khác | $10^9$đ | |
| b | Các khoản phải nộp khác | $10^9$đ | 17,17 |
| - | Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN | $10^9$đ | 17,17 |
| **2** | **Các khoản đã nộp Nhà nước** | **$10^9$đ** | **43,16** |
| a | Các khoản nộp Ngân sách | $10^9$đ | 25,99 |
| - | Thuế GTGT | $10^9$đ | 12,00 |

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2021 |
|---|---|---|---|
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | $10^9$đ | 7,40 |
| - | Thuế xuất, nhập khẩu | $10^9$đ | |
| - | Thuế thu nhập cá nhân | $10^9$đ | 6,59 |
| - | Thuế khác | $10^9$đ | |
| b | Các khoản phải nộp khác | $10^9$đ | 17,17 |
| - | Bảo hiểm xã hội, BHYT | $10^9$đ | 17,17 |
| **IV** | **Tiền lương và thu nhập** | | |
| 1 | CBCNV bình quân | người | 900,00 |
| 2 | Tổng quỹ lương phải trả | $10^9$đ | 149,65 |
| 3 | Các khoản thu nhập khác | $10^9$đ | 6,15 |
| 4 | Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người | $10^6$đ | 13,86 |
| 5 | Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người | $10^6$đ | 14,43 |
| **V** | **Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ** | | |
| 1 | Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH | $10^9$đ | 236,90 |
| 2 | Số tiền khấu hao TSCĐ | $10^9$đ | 31,20 |
| 3 | Tỷ lệ khấu hao TSCĐ | % | 13,17% |
| 4 | Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ | $10^9$đ | 1.171,45 |
| 5 | Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ | $10^9$đ | 1.140,40 |
| 6 | Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ | $10^9$đ | 67,84 |
| **VI** | **Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **399,88** |
| 1 | Vay ngắn hạn | $10^9$đ | 380,00 |
| 2 | Vay trung và dài hạn | $10^9$đ | 19,88 |
| **VII** | **Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **486,38** |
| a | Vốn điều lệ | $10^9$đ | 259,99 |
| | Trong đó: Vốn nhà nước | $10^9$đ | 166,80 |
| b | Quỹ đầu tư phát triển | $10^9$đ | 143,06 |
| c | Thặng dư vốn cổ phần | $10^9$đ | 43,13 |
| d | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | $10^9$đ | |
| e | Quỹ khác thuộc chủ sở hữu | $10^9$đ | 10,60 |
| f | Lợi nhuận chưa phân phối | $10^9$đ | 29,60 |
| g | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | $10^9$đ | |
| **VIII** | **Tổng tài sản cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **1.605,97** |
| **IX** | **Nợ phải trả cuối kỳ** | **$10^9$đ** | **1.147,85** |
| 1 | Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ | Lần | 4,41 |

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch 2021 |
|---|---|---|---|
| 2 | Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,36 |
| **X** | **Đầu tư tài chính cuối kỳ** | | |
| **C** | **KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH** | | |
| **1** | **Phần đào đắp** | | |
| - | Tổng khối lượng đào đất | m3 | 113.220 |
| - | Tổng khối lượng đào đá | m3 | 63.815 |
| **2** | **Phần xây lắp** | | |
| - | Tổng khối lượng bê tông RCC | m3 | - |
| - | Tổng khối lượng bê tông CVC | m3 | 100.732 |
| - | Tổng khối lượng cốt thép KC | tấn | 643 |
| **D** | **GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ** | | |
| 1 | Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công | $10^9$đ | 25,00 |

## II. Mục tiêu tiến độ năm 2021:

### 1. Dự án Thủy điện Nam E-Moun:

*1.1. Công tác thiết kế:* Đáp ứng tiến độ thi công.

*1.2. Công tác thi công:*

*a. Đập chuyển dòng:*

- Công tác bê tông: Hoàn thành công tác bê tông toàn bộ đập tràn, đập dâng, cửa nhận nước, hệ thống bể khử cát đến cao độ thiết kế.

- Công tác cơ khí thủy công: Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đập tràn, cửa nhận nước và hệ thống bể khử cát.

- Công tác đắp trả: Hoàn thành công tác đắp trả khu vực vai trái và khu vực kênh, bể khử cát.

*b. Đập chính:*

- Công tác bê tông: Hoàn thành công tác bê tông toàn bộ đập tràn, đập dâng, cửa nhận nước, hệ thống bể khử cát đến cao độ thiết kế.

- Công tác cơ khí thủy công: Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đập tràn, cửa nhận nước và hệ thống bể khử cát.

- Công tác đắp trả: Hoàn thành công tác đắp trả khu vực vai trái và khu vực kênh, bể khử cát.

*c. Nhà máy:* Hoàn thành toàn bộ công tác công tác bê tông pha 1 của nhà máy; Nhà điều khiển; Kênh xả; Công tác lắp đặt kết cấu thép trên CĐ 274.17m và dầm cầu trục, đảm bảo tiến độ bàn giao cho nhà thầu cơ điện lắp đặt thiết bị trước 30/5/2021.

*d. Tuyến ống TB1:*

- Hoàn thành công tác đào và gia cố mái.

- Công tác bê tông: hoàn thành bê tông các mố đỡ, bê tông giai đoạn 1 các mố néo hoàn thành đảm bảo lắp đặt đường ống.

- Tiến hành lắp đặt đường ống đến từ mố 9 đến mố 4.

*e. Phần hầm:*

- Tuyến hầm T1: Hoàn thành toàn bộ công tác đào và gia cố tạm tuyến hầm; hoàn thành bê tông nền hầm phụ A đến của P1; từ cửa P4 đến ngã ba hầm T1 T2 và T3.

- Tuyến hầm T2; T3: Hoàn thành công tác đào, gia cố hầm và bê tông nền.

- Tuyến hầm T4: Hoàn thành lắp bọc thép và đổ bê tông lấp đầy 612.39/730.46m.

- Các giếng đứng số 2, tháp điều áp hoàn thành lắp đặt bọc thép và đổ chèn bê tông.

- Tháp điều áp hoàn thành toàn bộ công tác thi công theo thiết kế.

- Giếng đứng số 1 hoàn thành công tác đào và gia cố.

- Giếng bậc thang đầu hầm T2 hoàn thành công tác đào và gia cố, tiến hành thi công bê tông kết cấu giếng.

*f. Trạm phân phối:* Hoàn thành toàn bộ công tác đào và gia cố.

**2. Dự án nhà máy Điện gió - Quảng trị:**

*2.1. Nhà máy Liên Lập:* Hoàn thành và bàn giao toàn bộ công trình trước tháng 05/2021.

*2.2. Nhà máy Phong Huy:* Hoàn thành bàn giao đường nội bộ trước ngày 30/06/2021. Hoàn thành bàn giao các móng trụ tuabin và bàn giao toàn bộ công trình ngày 01/07/2021.

*2.3. Nhà máy Phong Nguyên:* Hoàn thành bàn giao các móng trụ tuabin và bàn giao toàn bộ công trình ngày 30/06/2021.

**3. Dự án Hồ chứa nước Bản Lải – Lạng Sơn:**

Hoàn thành nút cống trước 15/05/2021; hoàn thành toàn bộ phạm vị công việc theo hợp đồng trước 31/7/2021.

**4. Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1 - Khánh Hòa:**

Dự kiến khởi công Quý II năm 2021, cụ thể tiến độ triển khai các hạng mục như sau:

*4.1. Hạng mục phụ trợ:* Xây dựng các hạng mục phụ trợ: Lán trại; hệ thống kho xưởng; trạm nghiền sàng, trạm trộn bê tông.

*4.2. Công trình chính:*

- Đập dâng vai phải: Hoàn thành đào đất đá hố móng khu vực VP2 phần trên mực nước lũ.

- Đập dâng vai trái: Hoàn thành đào đất đá hố móng khu vực VT2; thi công bê tông bản đáy CVC, bê tông thân đập; khoan phun gia cố nền, khoan phun chống thấm; khoan thoát nước nền và thân đập.

**III. Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

**1. Kế hoạch tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm năm 2021:**

Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm, đặc biệt chú trọng đến các lĩnh vực mới như (Năng lượng tái tạo điện gió, điện rác, điện mặt trời; xây dựng các khu công nghiệp và các đặc khu kinh tế) với mục tiêu kế hoạch sản lượng cho các năm tiếp theo. Giải pháp cụ thể như sau:

* *Đối với thị trường trong nước:* Thường xuyên cập nhật thông tin các dự án đang theo đuổi; thực hiện các giải pháp để thắng thầu, tìm kiếm việc làm cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

* *Đối với thị trường Quốc tế:*

- *Thị Trường Lào:* Thực hiện thu thập, nghiên cứu thông tin thị trường xây dựng thủy điện tại Lào; Tiếp cận các CĐT truyền thống và tiềm năng để tìm kiếm dự án mới.

- *Thị trường các quốc gia khu vực Đông Nam á (Indonesia, Malaysia...):* Tiếp tục cập nhật thông tin dự án, liên danh liên kết với các nhà thầu quốc tế (Obayashi, SK, Sam Sung, Hyundai...) để đấu thầu tìm kiếm việc làm các dự án phù hợp với năng lực của đơn vị.

**2. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:**

- Tiếp tục hoàn thiện, đánh giá những tồn tại của mô hình quản lý dự án đơn vị đang áp dụng để có những giải pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản lý thực tế và thay đổi của Pháp luật.

- Đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án để nâng cao năng lực quản lý và điều hành các dự án mới khi được triển khai.

**3. Công tác thu hồi giá trị dở dang và công nợ:**

Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn, giảm thiểu giá trị dở dang. Cụ thể:

- *Đối với các dự án chỉ định thầu đã kết thúc thi công:* Tập trung nguồn lực làm việc với Ban điều hành, Chủ đầu tư để quyết toán các hạng mục đã đủ điều kiện.

+ Công trình thủy điện Lai Châu: Tập trung hoàn thiện phiếu giá đã đủ điều kiện quyết toán, hoàn thành quyết toán toàn bộ công trình trong năm 2021.

+ Công trình Nậm Ly: Làm việc với Chủ đầu tư để quyết toán khối lượng, hoàn thành quyết toán toàn bộ công trình.

- *Đối với các dự án đang thi công:* Tập trung nhân lực, rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn dứt điểm đối với phần khối lượng dở dang.

- *Kế hoạch thu vốn năm 2021 là **1.020 tỷ đồng**. Trong đó:*

+ Công trình đã kết thúc thi công: 260,11 tỷ đồng.

+ Công trình đang thi công: 759,88 tỷ đồng.

- *Kế hoạch thu hồi công nợ năm 2021 là **1.162 tỷ đồng**. Trong đó:*

+ Công trình đã kết thúc thi công: 35,35 tỷ đồng.

+ Công trình đang thi công: 1.126,69 tỷ đồng.

**4. Công tác quản lý chi phí:**

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định trong công tác giao khoán, quản lý chi phí phù hợp với mô hình quản lý dự án và yêu cầu thực tế tại đơn vị; Ban hành bổ sung kịp thời các bộ định mức, đơn giá giao khoán đối với các công việc phát sinh.

- Phối hợp với công tác quản lý vật tư, thiết bị tìm kiếm cập nhật các nhà cung cấp để báo giá cạnh tranh nhất.

- Thực hiện kịp thời công tác quyết toán nhân công, vật tư, nhiên liệu.

- Tìm kiếm các đối tác cho thuê các thiết bị máy móc chưa có nhu cầu sử dụng để bù đắp lại chi phí khấu hao.

- Thành lập các tổ công tác kiểm tra, hướng dẫn các công trường dự án trong công tác quản lý vật tư xe máy thiết bị, hạch toán chi phí và thực hiện quy chế quản lý nội bộ.

- Tiếp tục công tác phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ (quý, năm) và khi kết thúc dự án; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

**5. Công tác tài chính kế toán:**

- Tiếp tục thực hiện cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các Tổ chức tín dụng mới để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án để đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Thực hiện tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác.

- Tham gia vào công tác thẩm định năng lực tài chính của Chủ đầu tư các dự án Công ty tham gia đấu thầu để đảm bảo nguồn vốn thanh toán của Dự án khi thi công.

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ các công trình, đồng thời đôn đốc thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn. Xây dựng kế hoạch và biện pháp để thu hồi công nợ khó đòi, kéo dài đã nhiều năm.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty Sông Đà – CTCP và Công ty CP thủy điện Nậm Chiến để thu hồi phần công nợ tại công trình thủy điện Nậm Chiến.

- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.

- Tăng cường việc hỗ trợ công tác hạch toán kế toán tại các công trình dự án.

**6. Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:**

- Tăng cường công tác quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt công tác nghiệm thu, thu vốn tại các dự án.

- Phê duyệt kịp thời yêu cầu vật tư chính cho các dự án đảm bảo tiến độ thi công.

- Thiết kế và phê duyệt kịp thời biện pháp thi công chủ đạo làm cơ sở cho các công trường dự án triển khai thi công.

- Triển khai tổ chức thi công đảm bảo mục tiêu khối lượng, tiến độ của hợp đồng.

- Tăng cường công tác giám sát an toàn, tổ chức huấn luyện an toàn thường xuyên cho người lao động nhằm giảm thiểu tối đa mất an toàn có thể xảy ra.

- Xây dựng củng cố đội ngũ quản lý an toàn đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**7. Công tác quản lý sử dụng vật tư, thiết bị:**

- Xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng vật tư đảm bảo cung cấp kịp thời, sử dụng tiết kiệm hiệu quả các loại vật tư; đồng thời xây dựng các kịch bản dự phòng vật tư thiết bị đảm bảo kịp thời ứng phó với tình hình cung ứng vật tư tại thị trường trong nước và toàn cầu có thể bị ảnh hưởng bởi sự biến đổi không lường trước được của đại dịch covid.

- Cân đối đảm bảo xe máy thiết bị đáp ứng yêu cầu cho các dự án; thực hiện đấu thầu chào giá cạnh tranh lựa chọn nhà cung cấp cho thuê thiết bị.

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm đảm bảo công suất làm việc và nâng cao hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị.

**8. Công tác quản lý nhân lực:**

- Cân đối nhu cầu nhân lực hiện có tại các công trường để thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động đối với từng công trình, dự án.

- Liên hệ làm việc với các trường dạy nghề, các Trung tâm giới thiệu việc làm để ký kết các hợp đồng đào tạo, tuyển dụng đảm bảo cung cấp lao động trực tiếp cho các dự án.

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án, kỹ sư trực tiếp theo mô hình quản lý dự án của công ty cũng như yêu cầu thực tế của công việc (Đặc biệt đối với lĩnh vực xây dựng công trình hầm; dân dụng và xây dựng giao thông).

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh covid đảm bảo duy trì số lượng lao động tại các Dự án; Đồng thời xây dựng phương án bổ sung nhân lực dự

phòng trong trường ảnh hưởng bởi đại dịch covid (gồm tăng cường nguồn nhân lực địa phương tại các dự án tại nước ngoài).

**9. Công tác quản trị rủi ro:**

- Ban hành các quy trình kiểm soát rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Định kỳ hàng quý thành lập đoàn kiểm tra nội bộ làm việc tại các dự án để phân tích đánh giá, đưa ra những cảnh báo về những nguy cơ, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các giải pháp để kiểm soát rủi ro.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Sông đà 5. Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Trân trọng!

***Nơi nhận:***
- Đại hội Đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty (Để b/c);
- Ban kiểm soát Công ty (Để b/c);
- Lưu VP, KHCL.

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

M.S.D.N: 0100886857-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5
NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

**Nguyễn Đắc Điệp**